

GIAO CHỈ TIÊU THI ĐUA NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG NĂM 2021

(kèm theo Công văn số 2187/BĐD ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Ban Đại diện HĐQT NHCSXH huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN XÃ	Thực hiện đến 31/12/2020					Tăng, giảm so với chỉ tiêu giao				Thực hiện đến 31/12/2021			
		Nguồn vốn KHB	Tiền gửi tổ chức và cá nhân	Nợ khoanh	Lãi tồn đọng	Món vay 3 tháng không hoạt động	Nguồn vốn KHB	Tiền gửi tổ chức và cá nhân	Lãi tồn đọng	Món vay 3 tháng không hoạt động	Nguồn vốn KHB (40 điểm)	Tiền gửi tổ chức và cá nhân (40 điểm)	Lãi tồn đọng (20 điểm)	Món vay 3 tháng không hoạt động (20 điểm)
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	1	2	3	5
1	TT. Mỹ An	7,516	15,472	170	1,650	335	1,000	600	-82	-50	8,516	16,072	1,567	285
2	Xã Mỹ Hòa		764	222	664	86		450	-33	-13		1,214	630	73
3	Xã Độc Bình Kiều		1,268	254	314	55		450	-16	-8		1,718	298	47
4	Xã Mỹ An		6,840	218	267	8		450	-13	-1		7,290	254	7
5	Xã Mỹ Quý		2,013	258	534	102		450	-27	-15		2,463	507	87
6	Xã Lăng Biền		427	99	215	33		450	-11	-5		877	204	28
7	Xã Mỹ Đông		820	77	243	47		450	-12	-7		1,270	231	40
8	Xã Thanh Mỹ		752	383	470	56		450	-23	-8		1,202	446	48
9	Xã Phú Điền		818	435	497	103		450	-25	-15		1,268	472	88
10	Xã Tân Kiều		2,554	275	1,213	329		450	-61	-49		3,004	1,153	280
11	Xã Trường Xuân		415	154	505	75		450	-25	-11		865	479	64
12	Xã Hưng Thạnh		765	370	1,241	279		450	-62	-42		1,215	1,179	237
13	Xã Thạnh Lợi		190	344	546	86		450	-27	-13		640	519	73
TỔNG CỘNG		7,516	33,098	3,259	8,358	1,594	1,000	6,000	-418	-239	8,516	39,098	7,940	1,355

- Huy động vốn thị trường: Hoàn thành chỉ tiêu 40 điểm, thấp hơn 1% trừ 1 điểm (điểm tối đa 50 điểm)
- Nguồn vốn ủy thác địa phương: Hoàn thành chỉ tiêu 40 điểm. Thấp hơn 1% trừ 1 điểm (điểm tối đa 50 điểm)
- Tăng trưởng dư nợ tín dụng: Hoàn thành 100% được 30 điểm, thấp hơn 0,01% trừ 0,5 điểm
- Tỷ lệ thu hồi nợ để hạn: Đạt 100% được 40 điểm thấp 1% trừ 0,8 điểm
- Điểm chất lượng giao dịch xã: Đạt 100% được 40 điểm thấp 1% trừ 0,4 điểm
- Điểm hoạt động tổ TK&VV: Đạt 100% được 30 điểm thấp hơn 1% trừ 0,3 điểm trừ tối đa 30 điểm
- Nợ quá hạn: Bằng 0 được 40 điểm, tăng 0,1% trừ 1 điểm trừ tối đa 40 điểm
- Tỷ lệ thu lãi: Đạt 100% được 40 điểm, tăng 1% cộng 2 điểm, thấp 1% trừ 2 điểm, điểm tối đa 50 điểm
- Nợ khoanh: Bằng 0 được 10 điểm; tăng 0,05% trừ 1 điểm, trừ tối đa 20 điểm
- Lãi tồn đọng: Đạt kế hoạch 10 điểm; cao, thấp hơn 1% so kế hoạch +/-1 điểm, cộng trừ tối đa 10 điểm (điểm tối đa 20 điểm)
- Món vay trên 3 tháng không hoạt động: Đạt kế hoạch 10 điểm; cao, thấp hơn 1% so kế hoạch +/- 1 điểm, cộng trừ tối đa 10 điểm (điểm tối đa 20 điểm)
- Tỷ lệ thu hồi nợ đến hạn theo phân kỳ: Đạt 100% được 30 điểm, thấp hơn 1% trừ 0,3 điểm
- Số tổ TK&VV có số dư TK/DN đạt 7% dư nợ: 100% số tổ thì được 20 điểm, thấp hơn 1% trừ 0,2 điểm trừ tối đa 20 điểm
- Số hộ tham gia tiết kiệm qua tổ: có từ 90% trở lên được 30 điểm, tăng/giảm 1% cộng trừ 1 điểm (điểm tối đa 40 điểm)
- Quy trình nghiệp vụ: Điểm tối đa 20 điểm, mỗi lỗi trừ 1 điểm gồm: Quy trình nghiệp vụ, lỗi trong kiểm tra KT740

Ghi chú: Chỉ tiêu 4,5,6,7,8 theo biểu 02/CBTD; Chỉ tiêu 10 theo biểu 01/KQTL; chỉ tiêu 11 biểu 02/GSTX